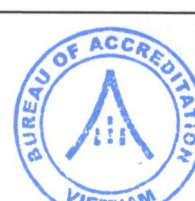
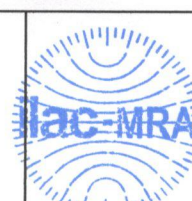


KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



Số: 31/KQ

VILAS 746

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	141M ₁ 01/19	Công ty Bia Masan Brewery	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	26/08/2019 9g30-9g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
2	142M ₁ 01/19	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/08/2019 8g30-8g45	Diệp Thị Ngọc Loan
3	142M ₂ 01/19	Cảng cá Phường 6			26/08/2019 9g00-9g15	
4	142M ₃ 01/19	Ủy ban nhân dân Tỉnh		Nguyễn Thị Kim Trang	26/08/2019 9g30-9g45	Nguyễn Thị Kim Trang
5	143B01/19	Bể Chứa NMN Tuy Hòa			26/08/2019 8g00-8g15	
6	144B05/19	Bể Chứa NMN Đ.B Sông Cầu		Nguyễn Ngọc Tương	26/08/2019 10g00-10g15	Phạm Thị Luyện
7	145B06/19	Bể Chứa NMN Sông Hình		Nguyễn Thị Dung	26/08/2019 8g00-8g15	
8	145B07/19	Bể Chứa NMN Sơn Hòa			26/08/2019 10g00-10g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				141M ₁ 01/19	142M ₁ 01/19	142M ₂ 01/19	142M ₃ 01/19
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,01	6,98	7,02	7,05
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,71	1,92	1,94	1,95
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04	0,08	0,06	0,06
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,13	12,80	13,13	13,13
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44,37	44,89	44,89	44,37
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	13,3	12,50	11,00	11,00
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	108	126	106	124
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,70	0,70	0,70	0,70
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,4	8,0	8,0	8,0
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02	0,04	0,04	0,04
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,39	0,32	0,51	0,58
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018

II./KẾT QUẢ MẪU

VILAS 746

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				143B01/19	144B05/19	145B06/19	145B07/19
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,15	6,82	7,18	7,50
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,90	0,56	0,38	1,80
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,08	0,10	0,02	0,06
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,80	12,12	13,47	11,45
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45,40	10,32	43,86	48,50
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	0,004	0,004
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	11,40	9,90	10,60	11,10
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	112	66	126	98
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,75	1,75	0,15	0,45
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8,0	5,80	5,60	7,40
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02	0,02	KPH (LOD=0,01)	0,02
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,45	0,58	0,71	0,83
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	0,092	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,39	0,50	0,43	0,53

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

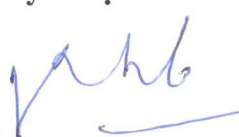
Tuy Hòa, ngày 05 tháng 09 năm 2019

Bộ Phận Kiểm nghiệm

Lãnh Đạo Công Ty

Nguyễn Tấn Thuận

Phòng Kỹ thuật - Chất lượng


Nguyễn Văn Bình


Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018